TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THAN UYÊN** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2022/HS-ST
Ngày: 26/9/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lương Thị Mỹ Hằng.
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Lệ Thủy
2. Bà Nguyễn Thị Việt Hà

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lã Thu Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên tham gia phiên toà: Ông La Văn Xôm - Kiểm sát viên

Ngày 26/9/2022 tại Trụ sở Ủy ban nhân dânxã P, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai lưu động vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 82/2022/TLST-HS, ngày 15/7/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2022/QĐXXST-HS ngày 24/8/2022; quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2022/QĐ-HSST ngày 07/9/2022 đối với:

Bị cáo Lê Đăng Tr (Tên gọi khác: Không); Sinh ngày: 03/10/1994; Tại: huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.

Nơi ĐKHKTT: Xóm 1, xã Giang Sơn Tây, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Lê Đăng V– Sinh năm: 1947 và bà: Nguyễn Thị H1 – Sinh năm: 1949; Bị cáo có vợ: Trần Thị H – sinh năm: 1995 (hiện đã ly hôn) và 01 con, sinh năm 2017; Tiền án có 01 tiền án: Ngày 02/6/2020, Lê Đăng Tr bị Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng áp dụng khoản 1, khoản 3, Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt 03 tháng tù, phạt bổ sung số tiền 10.000.000 đồng về tội: "Đánh bạc"; hiện chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Ngày 15/11/2011, Lê Đăng Tr bị Công an huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo chưa chấp hành quyết định xử phạt nên chưa được xóa tiền sự.

Về nhân thân: Tại Bản án số 92 ngày 09/4/2013, Lê Đăng Tr bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An áp dụng khoản 1, Điều 138, khoản 1, Điều 140, điểm p, khoản 1, Điều 46, Điều 50, Bộ luật hình sự, Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và 15 tháng tù về

tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt của hai tội là 24 tháng tù. Buộc Lê Đăng Tr phải bồi thường cho các bị hại tổng số tiền 17.500.000 đồng và phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 875.000 đồng án phí dân sự; hiện đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/3/2022, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Than Uyên. *(Có mặt)*.

Bị hại gồm:

1/ Ông Vàng Văn Th– sinh năm: 1969;

2/ Bà Vàng Thị D– sinh năm: 1988;

3/ Ông Tòng Văn C– sinh năm: 1998;

Đều có địa chỉ: bản N, xã P, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

4/ Ông Vàng Văn L, sinh năm: 1982; địa chỉ: bản Đội 9,xã P, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

5/ Ông Lò Xuân K, sinh năm: 1982; địa chỉ: bản N,xã P, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

Bị hại Th, D, K (có mặt tại phiên tòa); bị hại C, L (vắng mặt có lý do).

Người làm chứng gồm:

1/ Bà Vàng Thị M– sinh năm: 1994; địa chỉ: bản N, xã P, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

2/ Bà Nguyễn Thị Hoài Th1, sinh năm: 1984; địa chỉ: Tổ 6, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

3/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1983; địa chỉ: bản Đội 9,xã P, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

4/ Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm: 1982; địa chỉ: khu 6, Thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

(Những người làm chứng vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Đăng Tr có hộ khẩu thường trú tại xóm 1, xã Giang Sơn Tây, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Tháng 10 năm 2021, Tr lên tỉnh Lai Châu thuê phòng trọ của anh Đinh Văn T, sinh năm 1976 tại số nhà 05, đường Trần Hưng Đạo, phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu. Tại đây, Tr có quen Vàng Thị M, sinh năm 1994, ở cùng khu trọ. M có hộ khẩu thường trú tại bản N, xã P, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. Khi làm quen với M, Tr giới thiệu tên Đỗ Mạnh Linh trước làm ở Bảo hiểm xã hội huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu nhưng đã nghỉ việc. Tr nói với M, Tr đang lái xe khách tuyến thành phố Lai Châu đi huyện Mường Tè. Sau một thời gian quen biết nhau, giữa Tr và M đã nảy sinh tình cảm yêu nhau. Đến tháng 11 năm 2021, Tr được M đưa về nhà của M tại bản N, xã P, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu chơi và ở đó hai ngày. Tại đây, Tr đã quen biết người nhà trong gia đình của M gồm: ông Vàng Văn Th, sinh năm 1969 *(bố đẻ của Vàng Thị M)*; chị Giàng Thị Nhung, sinh năm 1971 *(mẹ đẻ của Vàng Thị M)*; anh Tòng Văn C, sinh năm 1998 *(em họ của Vàng Thị M)*; anh Vàng Văn L, sinh năm 1982 *(chú ruột của Vàng Thị M)*; chị Vàng Thị D, sinh

năm 1988 *(cô ruột Vàng Thị M)* và anh Lò Xuân K, sinh năm 1982 *(chú rể của Vàng Thị M),* đều trú tạixã P, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. Đến cuối tháng 11 năm 2021, Tr về nhà M chơi lần thứ hai và ở lại gia đình M mà không về thành phố Lai Châu nữa. Trong khoảng thời gian từ 28/11/2021, đến tháng 01/2022, Lê Đăng Tr đã 09 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tổng số tiền 193.500.000 đồng của các bị hại: Vàng Văn Th, Lò Xuân K, Vàng Văn L, Tòng Văn C, Vàng Thị D. Quá trình lừa đảo, bị cáo đã làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói với các bị hại là bị cáo đã mua mảnh đất trên để tạo niềm tin cho các bị hại, từ đó, lừa vay tiền các bị hại rồi chiếm đoạt, mục đích tiêu xài cá nhân. Cụ thể là:

Lần thứ 1, 2, 3: Quá trình sống cùng gia đình M, Tr quen biết Tòng Văn C, sinh năm 1998, trú tại bản N, xã P, huyện Than Uyên (em họ của M). Tr đã nảy sinh ý định lừa anh C cho vay tiền sau đó chiếm đoạt mang tiêu sài cá nhân. Ngày 28/11/2021, Tr gọi zalo cho anh C vay số tiền 8.000.000 đồng, với mục đích để tiêu xài cá nhân nhưng Tr nói dối C là vay tiền để giúp M mở quán sơn sửa móng tay, móng chân. Do tin tưởng Tr mở quán giúp chị M nên anh C đã chuyển khoản cho Tr vay 8.000.000 đồng. Đến khoảng 06 giờ sáng ngày 29/11/2021, trong tiếp tục vay C số tiền 2.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân và được C đồng ý. Đến ngày 08/12/2021, biết C muốn thi bằng lái xe ô tô, Tr nói với anh C số tiền 10.000.000 đồng đã vay để Tr nộp tiền hồ sơ thi bằng lái xe ô tô cho anh C và bảo C đưa thêm cho Tr 3.500.000 đồng nữa là đủ. Anh C đồng ý đưa thêm cho Tr số tiền 3.500.000 đồng. Tổng số tiền 13.500.000 đồng lừa chiếm đoạt của anh C, Tr đã mang tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ 4, 5, 6: Để tạo niềm tin với người nhà chị M nhằm tiếp tục thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Tr nói với ông Vàng Văn Th, (bố đẻ M) là muốn lấy M làm vợ và sẽ mua đất, xây nhà sinh sống cùng M tạixã P, huyện Than Uyên. Đến khoảng đầu tháng 12 năm 2021, Tr nhờ ông Thđưa đến nhà chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983, trú tại bản Đội 9,xã P, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu xem đất. Tr được chị Hoa chỉ cho xem mảnh đất thuộc thửa số 510, tờ bản đồ số 88, có diện tích 147 m^2, tại bản Nà Dắt,xã P, huyện Than Uyên. Mảnh đất trên do anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1982, trú tại Đội 9,xã P, huyện Than Uyên đứng tên. Tr đã hỏi mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Hoa để xem và dùng điện thoại của Tr chụp lại, mục đích lấy thông tin để làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, Tr về nhà đăng nhập vào tài khoản ứng dụng Facebook với tên tài khoản là "Vùng Trời Bình Yên" nhắn tin với tài khoản Facebook có tên "Dịch vụ làm giấy tờ" đặt làm một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Tr sử dụng điện thoại gửi ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã chụp được của chị Hoa vào tài khoản Facebook "Dịch vụ làm giấy tờ", đặt làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả giống như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Hoa với giá là 10.000.000 đồng. Khoảng 2 ngày sau, Tr đưa cho ông Thsố tiền mặt 170.000.000 đồng, nhờ ông Thcất giữ hộ, với mục đích lấy lòng tin của ông Thvà người nhà trong gia đình ôngTh. Sau đó, Tr đến quán photo làm một bản hợp đồng đặt cọc mua đất do Tr tự ký tên chủ đất là Hưởng và ký tên người làm chứng, phần người đặt cọc, Tr để tên ông Vàng Văn Th. Tiếp đến, Tr nói với ông Thmảnh đất của chị Hoa phải đặt cọc số

tiền 215.000.000 đồng, Tr lấy lại số tiền 170.000.000 đồng trước đó gửi ông Thvà nói tiền đặt cọc mua đất còn thiếu 20.000.000 đồng nữa mới đủ 215.000.000 đồng. Tr hỏi vay ông Thsố tiền 20.000.000 đồng. Do tin những gì Tr nói là thật, ông Thđã đồng ý cho Tr vay 20.000.000 đồng. Khoảng 03 ngày sau, Tr nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả qua dịch vụ chuyển phát nhanh. Tr mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cùng bản hợp đồng đặt cọc do Tr tự làm đưa cho ông Vàng Văn Thnhờ ông cất giữ hộ và nói dối ông Thvài hôm nữa mẹ của Tr sẽ gửi tiền lên để trả nốt số tiền mua đất.

Khoảng 10 ngày sau, Tr tiếp tục vay ông Ththêm số tiền mặt 25.000.000 đồng, Tr nói vay để mua xe tải kinh doanh chở vật liệu. Đến ngày 16/12/2021, cũng với lý do vay tiền để mua xe tải chở hàng, Tr tiếp tục vay ông Ththêm số tiền 50.000.000 đồng. Tr bảo ông Thlàm một thẻ ATM của ngân hàng Agribank mang tên Vàng Văn Thđể cho Tr sử dụng và chuyển số tiền 50.000.000 đồng vào thẻ ATM cho Tr. Tổng số tiền 3 lần lừa đảo chiếm đoạt 95.000.000 đồng của ông Vàng Văn Th, Tr đã tiêu sài cá nhân hết.

Lần thứ 7: Sau khi đã tiêu xài hết số tiền lừa chiếm đoạt của ôngTh, ngày 28/12/2021, Tr đến nhà ông Lò Xuân K, sinh năm 1982, trú tại bản N,xã P, huyện Than Uyên hỏi vay số tiền 30.000.000 đồng với lý do mua xe tải để làm ăn và được ông K đồng ý cho vay. Để tạo thêm niềm tin cho ông K, Tr viết một giấy vay nợ với nội dung: Ngày 28/12/2021, Lê Đăng Linh, sinh 03/10/1988, trú tại Khối 9 - Tân Kỳ - Nghệ An, vay của Lò Xuân K số tiền 30.000.000 đồng, hẹn 02 tháng sau sẽ trả. Khi viết giấy vay nợ, các thông tin liên quan đến lai lịch của mình cụ thể: Tên, năm sinh và nơi thường trú Tr cố ý viết sai vào giấy vay nợ. Do được mọi người trong nhà nói, Tr sắp cưới cháu M và đã mua đất để làm nhà nên tin tưởng Tr, ông K đã đồng ý cho Tr vay 30.000.000 đồng. Số tiền lừa đảo chiếm đoạt của ông K, Tr tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ 8: Sau khi tiêu xài hết số tiền lừa chiếm đoạt của Lò Xuân K, ngày 20/01/2022, Tr đến nhà ông Vàng Văn L, sinh năm 1982, trú tại bản Đội 9,xã P, huyện Than Uyên mục đích để tiếp tục lừa vay tiền. Tr hỏi vay ông L số tiền 50.000.000 đồng và nói dối ông L là vay để mua xe tải chở hàng. Do tin tưởng và biết Tr sắp cưới cháu M và đã mua đất để làm nhà nên ông L đã chuyển khoản số 30.000.000 đồng vào thẻ ATM mang tên Vàng Văn Thmà Tr đang sử dụng. Số tiền 20.000.000 đồng còn lại, ông L đưa tiền mặt cho Tr. Sau khi lừa đảo chiếm đoạt được số tiền 50.000.000 đồng của ông L, Tr đã tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ 9: Cách ngày Tr chiếm đoạt tiền của ông L 05 ngày, Tr gọi điện thoại cho bà Vàng Thị D, sinh năm 1988, trú tại bản N, xã P, huyện Than Uyên hỏi vay bà Dsố tiền 5.000.000 đồng. Do tin tưởng Tr đã mua đất để làm nhà tạixã P, huyện Than Uyên, bà Dđã cho Tr vay số tiền 5.000.000 đồng. Số tiền này, Tr tiêu xài cá nhân hết.

Đến tháng 02 năm 2022, Tr nói với gia đình chị M là Tr về thành phố Hà Nội đón chị gái và mẹ lên Lai Châu nói chuyện hỏi cưới M. Sáng ngày 18/02/2022, Tr lên thành phố Lai Châu, sau đó về nhà tại tỉnh Nghệ An. Một thời gian sau, Tr từ Nghệ An lên thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La thuê một phòng trọ của chị Nguyễn Thị Hoài Th1, sinh năm 1984, trú tại tổ 6, phường Quyết

Tâm, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La để ở và sinh sống tại đó. Tr không nói cho chị M và người nhà của chị M biết địa chỉ mà Tr mới thuê ở tại thành phố Sơn La. Để tránh bị lộ danh tính, Tr giới thiệu với chị Thu chủ xóm trọ tên là Trần Anh Đông, sinh năm 1988, quê ở Hà Tĩnh.

Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng gồm: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, có số: BI133744 mang tên Nguyễn Văn H1, sinh năm 1982, trú tại bản Đội 9,xã P, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu; 01 hợp đồng đặt cọc mua đất do Tr tự viết; 01 giấy vay nợ giữa bên vay Lê Đăng Linh, bên cho vay Lò Xuân K; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu xanh đen bạc; số khung RLHJA3924MY285493, số máy JA39E2410778, mang BKS: 25T1-174.55, kèm theo 01 chìa khóa xe; 01 giấy đăng ký xe, bản photo có công chứng; 01 thẻ ATM của ngân hàng Agribank mang tên Vàng Văn Th; 01 sim điện thoại nhà mạng Vinaphone mang số thuê bao 0911373818.

Tại Kết luận giám định số 275 ngày 25/3/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BI133744 mang tên Nguyễn Văn H1, sinh năm 1982, trú tại bản Đội 9,xã P, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu gửi đến giám định là giả.

- Vật chứng kèm theo hồ sơ vụ án gồm: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất giả, có số: BI133744 mang tên Nguyễn Văn H1, sinh năm 1982, trú tại bản Đội 9,xã P, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu; 01 hợp đồng đặt cọc mua đất do Tr tự viết; 01 giấy vay nợ giữa bên vay Lê Đăng Linh, bên cho vay Lò Xuân K.

- Vật chứng còn lại gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu xanh đen bạc; số khung RLHJA3924MY285493, số máy JA39E2410778, mang BKS: 25T1-174.55, kèm theo 01 chìa khóa xe; 01 giấy đăng ký xe, bản photo có công chứng; 01 thẻ ATM của ngân hàng Agribank mang tên Vàng Văn Th; 01 sim điện thoại nhà mạng Vinaphone mang số thuê bao 0911373818. Hiện đang được lưu giữ tại kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Than Uyên.

Trách nhiệm dân sự: Các bị hại Vàng Văn Th, Lò Xuân K, Vàng Văn L, Tòng Văn C, Vàng Thị Dyêu cầu bị cáo Lê Đăng Tr trả lại số tiền đã chiếm đoạt.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và bản cáo trạng đã truy tố.

Bản cáo trạng số: 71/CT-VKS ngày 14/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên đã truy tố bị cáo Lê Đăng Tr về tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 174 Bộ luật hình sự và tội: *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, sau khi thẩm vấn công khai bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án xét thấy hành vi "*sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* bị cáo Tr thực hiện đã là mặt khách quan trong cấu thành của tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* . Để đảm bảo nguyên tắc

của Bộ luật hình sự và căn cứ vào các Điều 319, Điều 325 – Bộ luật tố tụng hình sự, Đại diện Viện kiểm sát rút một phần quyết định truy tố đối với bị cáo về tội: *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 341 Bộ luật hình sự xuống tội: *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"* quy định khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Đặng Tr phạm tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 /và tội: *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"* quy định khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 - Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Đăng Tr từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù về tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 - Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Đăng Tr từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội: *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"*.

Căn cứ vào Điều 55 – Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo Lê Đăng Tr phải chấp hành chung cho cả hai tội từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là theo quy định tại khoản 5 Điều 174; khoản 4 Điều 341 - Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Đăng Tr phải hoàn trả toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại theo yêu cầu.

Về vật chứng: Trả lại cho ông Vàng Văn Th01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu xanh đen bạc; số khung RLHJA3924MY285493, số máy JA39E2410778, mang BKS: 25T1-174.55, kèm theo 01 chìa khóa xe; 01 giấy đăng ký xe, bản photo có công chứng; 01 thẻ ATM của ngân hàng Agribank mang tên Vàng Văn Th.

Tịch thu 01 sim điện thoại nhà mạng Vinaphone mang số thuê bao 0911373818 tiêu hủy.

Về án phí: buộc bị cáo Lê Đăng Tr phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo, bị hại không bổ sung ý kiến gì thêm, nhất trí và không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập bị hại Vàng Văn L; Tòng Văn C; người làm chứng Vàng Thị M, Nguyễn Thị Hoài Th1, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn H1. Nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt; những người làm chứng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào lời khai trong hồ sơ vụ

án và theo quy định tại Điều 292; Điều 293– Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại, người làm chứng. Bị cáo, bị hại khác có mặt nhất trí và không có ý kiến gì.

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Than Uyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ 28/11/2021, đến tháng 01/2022, tạixã P, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu, Lê Đăng Tr đã 09 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tổng số tiền 193.500.000 đồng của các bị hại: Vàng Văn Th, Lò Xuân K, Vàng Văn L, Tòng Văn C, Vàng Thị Dđều trú tạixã P, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

Lần thứ 1, 2, 3: Trong các ngày 28, 29/11/2021 và ngày 08/12/2021, bằng hình thức lừa vay tiền và hứa hẹn sẽ làm hồ sơ thi bằng lái xe ô tô cho Tòng Văn C, Lê Đăng Tr đã 03 lần chiếm đoạt của anh C tổng số tiền 13.500.000 đồng.

Khoảng giữa tháng 12 năm 2021, thông qua mạng xã hội, Lê Đăng Tr đã đặt làm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà giả với số tiền 10.000.000 đồng. Sau đó, Tr tự soạn thảo 01 hợp đồng đặt cọc mua mảnh đất của Nguyễn Văn H1, sinh năm 1982, trú tại bản Đội 9,xã P, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. Để tạo niềm tin cho các bị hại,Tr mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và 01 hợp đồng đặt cọc đưa cho ông Thcất giữ hộ. Mục đích để cho ông Thvà những người khác trong gia đình ông Thtin Tr là người có tiền, bằng thủ đoạn nêu trên, bị cáo Tr tiếp tục thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản rồi chiếm đoạt số tiền 180.000.000 đồng của các bị hại: Vàng Văn Th, Vàng Văn L, Lò Xuân K, Vàng Thị D, cụ thể:

Lần thứ 4, 5, 6: khoảng giữa tháng 12/2021, sau khi làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tự soạn thảo hợp đồng đặt cọc, với lý do tiền đặt cọc mua đất thiếu 20.000.000 đồng. Tr đã lừa chiếm đoạt của ông Vàng Văn Thsố tiền 20.000.000 đồng. Khoảng 03 ngày sau, Tr lấy lý do cần tiền mua xe tải chở hàng để làm ăn, Tr tiếp tục lừa chiếm đoạt của ông Thsố tiền 25.000.000 đồng. Đến ngày 16/12/2021, cũng với lý do thiếu tiền để mua xe tải, Tr tiếp tục lừa chiếm đoạt của ông Ththêm số tiền 50.000.000 đồng. Tổng số tiền Tr chiếm đoạt của ông Thlà 95.000.000 đồng mang đi tiêu sài cá nhân hết.

Lần thứ 7, 8, 9: Sau khi đã tiêu xài hết số tiền lừa chiếm đoạt của ôngTh, ngày 28/12/2021, với lý do mua xe tải để làm ăn, Tr đã lừa chiếm đoạt của ông Lò Xuân K số tiền 30.000.000 đồng. Ngày 20/01/2022, cũng với lý do mua xe tải để làm ăn, Tr đã lừa chiếm đoạt của ông Vàng Văn L số tiền 50.000.000

đồng. Cách ngày Tr chiếm đoạt tiền của ông L 05 ngày, Tr tiếp tục lừa chiếm đoạt của bà Vàng Thị Dsố tiền 5.000.000 đồng.

Hành vi cung cấp thông tin để làm giấy tờ giả là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã xâm phạm trật tự quản lý hành chính, sự hoạt động bình thường, lợi ích và uy tín của cơ quan, nhà nước nên hành vi của bị cáo đã có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội "Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức", tội danh và hình phạt áp dụng đối với bị cáo được quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Sau đó, bằng thủ đoạn gian dối, bị cáo đã tạo lòng tin cho các bị hại, lừa chiếm đoạt số tiền 193.500.000 đồng với mục đích tiêu xài cá nhân. Với số tiền chiếm đoạt nêu trên thì hành vi mà bị cáo Tr thực hiện đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Do đó, bản cáo trạng truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ phạm tội: Hành vi nêu trên của Lê Đăng Tr là nghiêm Tr, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, xâm phạm tới trật tự quản lý hành chính, xâm phạm đến sự hoạt động bình thường, lợi ích, uy tín của nhà nước song vì mục đích tư lợi, lợi dụng lòng tin của các bị hại, muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động, bỏ mồ hôi công sức nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, do đó cần phải xử lý nghiêm minh.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Tr tự nguyện khắc phục được 10.000.000 đồng cho bị hại Th. Vì vậy, cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51- Bộ luật hình sự 2015.

Đối với quyết định rút một phần quyết định truy tố đối với bị cáo về tội: *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 341 Bộ luật hình sự xuống tội: *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"* quy định khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo nguyên tắc có lợi và phù hợp với Điều 319, Điều 325 – Bộ luật tố tụng hình sự nên việc rút một phần quyết định truy tố là có căn cứ. Ý kiến luận tội của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều, khoản truy tố, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Năm 2020, bị cáo Lê Đăng Tr bị Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, xử phạt 03 tháng tù về tội "Đánh bạc" và phạt bổ sung 10.000.000 đồng hiện chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp *"tái phạm"* theo điểm h khoản 1 Điều 52 – Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lê Đăng Tr 09 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, các lần thực hiện đều có giá trị trên 2.000.000 đồng, nên bị cáo còn phải chịu thêm tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 – Bộ luật hình sự, đó là *"phạm tội 02 lần trở lên"*.

Bị cáo Lê Đăng Tr có 01 tiền sự: ngày 15/11/2011, bị cáo Tr bị Công an huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xử phạt bằng hình thức phạt tiền 500.000 đồng bị cáo chưa chấp hành quyết định xử phạt hành chính nêu trên. Hơn nữa, bị cáo còn bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt 24 tháng tù về các tội: *"Trộm cắp tài sản"* và *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*. Qua đó, để thấy rằng, bị cáo Tr đã được giáo dục bằng 02 bản án, bị xử phạt vi phạm hành chính đều về các hành vi xâm phạm sở hữu. Là người trưởng thành có sức khỏe nhưng bản thân không chịu tu dưỡng rèn luyện, lao động làm ra của cải để nuôi sống bản thân và làm giàu cho xã hội. Bằng những bản án, bằng nhiều biện pháp giáo dục, rèn giũa nhưng bị cáo không lấy đó làm những bài học cho bản thân. Với bản chất ăn chơi, đua đòi, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội mà pháp luật nghiêm cấm. Do đó, cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian với mức án tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện để bị cáo có thời gian cải tạo và suy ngẫm về hành vi phạm tội của mình. Đồng thời cũng răn đe và cảnh tỉnh cho những ai đã và đang có ý định vi phạm pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo làm nghề lao động tự do, không có thu nhập ổn định, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng các hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 174 và khoản 4 Điều 341 - Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[7] Biện pháp ngăn chặn: cần áp dụng điều 329 – Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án, thời gian tạm giữ, tạm giam được khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

Về trách nhiệm dân sự: các bị hại yêu cầu bị cáo Lê Đăng Tr phải có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền bị cáo đã chiếm đoạt theo đơn yêu cầu. Hội đồng xét xử buộc bị cáo Tr phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả theo quy định.

[8] Về vật chứng của vụ án gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu xanh đen bạc; số khung RLHJA3924MY285493, số máy JA39E2410778, mang BKS: 25T1-174.55, kèm theo 01 chìa khóa xe; 01 giấy đăng ký xe, bản photo có công chứng; 01 thẻ ATM của ngân hàng Agribank mang tên Vàng Văn Th. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay ông Vàng Văn Thcó đơn đề nghị xin nhận lại chiếc xe này để làm phương tiện đi lại và khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng *(mười triệu đồng)* trong tổng số 95.000.000 đồng *(chín mươi lăm triệu đồng)* bị cáo Tr đã lừa đảo của ông. Và ông đề nghị bị cáo Tr có nghĩa vụ hoàn trả cho ông số tiền 85.000.000 đồng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã làm rõ số tiền 10 triệu đồng trả trước cho hợp đồng trả góp là số tiền do bị cáo Tr làm thuê mà có được không liên quan đến vụ án. Hơn nữa, chiếc xe và hợp đồng trả góp đều mang tên ôngTh. Bị cáo Tr không có ý kiến gì, nhất trí theo đề nghị của ôngTh. Xét thấy việc đề nghị là chính đáng, có cơ sở nên Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho ông Vàng Văn Thlà phù hợp.

Tịch thu 01 sim điện thoại nhà mạng Vinaphone mang số thuê bao 0911373818 tiêu hủy.

* Các vấn đề khác của vụ án:

Về nguồn gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, bị cáo Lê Đăng Tr khai đặt làm trên mạng xã hội qua tài khoản Facebook có tên "Dịch vụ làm giấy tờ". Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được nên

chưa có căn cứ để điều tra, xử lý.

Theo bị cáo Lê Đăng Tr và bị hại Vàng Văn Thkhai nhận: trong thời gian sinh sống tại nhà ôngTh, Tr có nhờ ông Thđứng tên trong hợp đồng mua trả góp 01 xe mô tô với giá 21.000.000 đồng. Tr đã trả tiền xe được 10.667.000 đồng. Quá trình điều tra xác định đây là quan hệ dân sự giữa Tr và ôngTh, không cấu thành tội phạm nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Kiến nghị: cấp ủy chính quyền địa phương trong công tác phổ biến giáo dục tuyên truyền pháp luật cần tăng C hơn nữa, bằng nhiều hình thức phổ biến phong phú để người dân tiếp cận được các quy định mới. Đặc biệt là cảnh giác với những đối tượng lạ mặt, kết thân với nhiều gia đình, lợi dụng sự tin tưởng, nhẹ dạ cả tin để thực hiện thủ đoạn lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Đăng Tr phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo: **Lê Đăng Tr** phạm các tội: *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"* và tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

1. Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Đăng Tr 02 (hai) năm tù về tội *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"*.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Đăng Tr 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Căn cứ Điều 55 – Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo Lê Đăng Tr phải chấp hành chung cho cả hai tội là 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/3/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, khoản 1 Điều 48 – Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589; Điều 357; Điều 468 – Bộ luật dân sự 2015.

Buộc bị cáo Lê Đăng Tr phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Vàng Văn Th, Sinh năm: 1969, trú tại: bản N, xã P, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu số tiền 85.000.000 đồng *(Tám mươi lăm triệu đồng)*.

Buộc bị cáo Lê Đăng Tr phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Vàng Văn L, Sinh năm: 1982, trú tại: bản Đội 9,xã P, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu số tiền 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)*.

Buộc bị cáo Lê Đăng Tr phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Lò Xuân K, Sinh năm: 1982, trú tại: bản N,xã P, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu số tiền 30.000.000 đồng *(Ba mươi triệu đồng)*.

Buộc bị cáo Lê Đăng Tr phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Vàng Thị D, Sinh năm: 1988, trú tại: bản N, xã P, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu số tiền 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)*.

Buộc bị cáo Lê Đăng Tr phải có trách nhiệm hoàn trả cho anh Tòng Văn C, Sinh năm: 1998, trú tại: bản N, xã P, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu số tiền 13.500.000 đồng *(Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng)*.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải trả lãiđối với số tiền chậm trả theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 – Bộ luật hình sự; Điều 106 – Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho ông ông Vàng Văn Th, Sinh năm: 1969, trú tại: bản N, xã P, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu xanh đen bạc; số khung RLHJA3924MY285493, số máy JA39E2410778, mang BKS: 25T1-174.55, kèm theo 01 chìa khóa xe; 01 giấy đăng ký xe, bản photo có công chứng; 01 thẻ ATM của ngân hàng Agribank mang tên Vàng Văn Th.

Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại nhà mạng Vinaphone mang số thuê bao 0911373818.

(Tình trạng vật chứng, tài sản theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 18/7/2022 giữa Công an huyện Than Uyên và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Than Uyên).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 - Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo Lê Đăng Tr phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 9.175.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định lên Tòa án cấp trên để xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- VKS huyện Than Uyên (2b);
- THA dân sự H. Than Uyên;
- CQĐT huyện Than Uyên;
- CQ THAHS H. Than Uyên;
- Nhà tạm giữ CAH. Than Uyên
- THA PT;
- Bị cáo; Bị hại;
- Sở Tư pháp Nghệ An;
- UBND xã Giang Sơn Tây (để biết);
- Lưu HS – TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Mỹ Hằng

THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lệ Thủy **Nguyễn Thị Việt Hà** **Lương Thị Mỹ Hằng**